HOÀN THIỆN KHÁI NIỆM "KINH TẾ TUẦN HOÀN" TRONG LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

TRƯƠNG THANH PHONG
HVCH Luật Kinh tế K36,
Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 27/3/2025. Sửa chữa xong 31/3/2025. Duyệt đăng 05/4/2025.

Abstract

This article evaluates the concept of the "circular economy" (CE) in the Law on Environmental Protection 2020 based on the principles of regeneration, restoration, and the criteria of a well-defined concept. Based on the analysis, the paper proposes refining the CE definition to fully capture the essence of this model, thereby establishing a solid legal foundation to accelerate the transition to a circular economy and promote sustainable development in Vietnam.

Keywords: *Circular economy, CE, concept, regeneration, restoration.*

1. Đặt vấn đề

Những ý tưởng ban đầu về kinh tế tuần hoàn (KTTH) được cho là xuất hiện từ những năm giữa thế kỷ XVIII trong lĩnh vực nông nghiệp, nhưng phải đến cuối thế kỷ XX thì mới trở thành một phạm trù kinh tế học chỉ mô hình kinh tế mới - đối lập với mô hình kinh tế truyền thống là kinh tế tuyến tính (Linear economy) [1]. Khái niệm KTTH được sử dụng chính thức đầu tiên vào năm 1990 bởi hai nhà kinh tế học môi trường là David W. Pearce và R. Kerry Turner. Theo khảo sát của Julian Kirchherr và cộng sự thì đến năm 2023 đã có đến 221 cách hiểu về KTTH được đưa ra và vẫn đang có xu hướng tăng thêm [2].

Tại Việt Nam, thuật ngữ "kinh tế tuần hoàn" lần đầu được đề cập trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII và sau đó được thể chế hóa trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020. Việt Nam cũng là quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á đưa KTTH vào quy định pháp luật. Tuy nhiên, so với quá trình phát triển KTTH của các quốc gia khác trên thế giới thì KTTH tại Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn sơ khai. Khi KTTH ngày càng được quan tâm, sự khác biệt trong cách diễn giải và áp dụng có thể dẫn đến sự phân mảnh và làm mờ đi bản chất của mô hình này. Mặc dù không có một khái niệm chung áp dụng cho mọi quốc gia, việc xây dựng một khái niệm KTTH phù hợp là cần thiết để tạo ra khuôn khổ pháp lý rõ ràng và hiệu quả. Cách tiếp cận khoa học, toàn diện, cùng với việc xác định chính xác vai trò của pháp luật trong thúc đẩy KTTH, sẽ góp phần thống nhất nhận thức và định hướng hành động. Trên cơ sở đó, bài viết này tập trung đánh giá và đề xuất hoàn thiện khái niệm KTTH trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và phù hợp với xu hướng phát triển bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

Trước đây, nền kinh tế chủ yếu vận hành theo mô hình tuyến tính, trong đó tài nguyên được khai thác, sản xuất, tiêu dùng và cuối cùng bị thải bỏ mà không qua tái chế hay tái sử dụng. Điều này dẫn đến lãng phí tài nguyên và gia tăng áp lực lên môi trường. Khi tài nguyên dần cạn kiệt và ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng, mô hình kinh tế tuyến tính bộc lộ nhiều hạn chế, thúc đẩy nhu cầu tìm kiếm một mô hình kinh tế bền vững hơn. Ý tưởng về mô hình KTTH xuất hiện như một giải pháp tối ưu, giúp sử

Email: thanhphong.0497@gmail.com

dụng tài nguyên hiệu quả, giảm khai thác nguyên liệu sơ cấp và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Hệ thống kinh tế và môi trường có mối quan hệ tương hỗ, trong đó KTTH đóng vai trò tối ưu hóa tài nguyên bằng cách tái sử dụng và giảm chất thải. KTTH đang là vấn đề được quan tâm với số lượng nghiên cứu khoa học về KTTH cũng ngày càng gia tăng và các doanh nghiệp tích cực áp dụng trong chiến lược bền vững. Tuy nhiên, dù được chú ý rộng rãi, có nhiều nghiên cứu nhưng vẫn tồn tại nhiều khái niệm chưa chính xác về KTTH, gây khó khăn cho việc hiểu và triển khai KTTH hiệu quả.

2.1. Thực trạng về các khái niệm kinh tế tuần hoàn

Năm 1990, hai nhà khoa học David W. Pearce và R. Kerry Turner đã đưa ra khái niệm về mô hình KTTH, đây là mô hình kinh tế dựa trên nguyên lý cơ bản "mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác" [3]. Từ đó đến nay, tuỳ vào cách tiếp cận từ các góc độ nghiên cứu và ứng dụng riêng mà có nhiều khái niệm KTTH được đưa ra. Trong các khái niệm đó có cả những cách hiểu đơn giản như KTTH là giảm phát thải, đến những khái niệm phức tạp hơn như 3R1 và 4R2 [4]. Dựa trên hướng tiếp cận, các khái niệm đang tồn tại được phân loại thành cách tiếp cận theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo quan điểm nghĩa hẹp, KTTH chủ yếu tập trung vào vấn đề quản lý chất thải, trong đó việc tuần hoàn chất thải giúp giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, đồng thời góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường và đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế. Ngược lại, cách tiếp cận theo nghĩa rộng cho rằng KTTH không chỉ giới hạn trong việc xử lý chất thải mà còn bao trùm toàn bộ quá trình vận hành của nền kinh tế. Điều này bao gồm từ khâu lựa chọn nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất, tiêu dùng cho đến việc khai thác và tái sử dụng nguyên liệu thứ cấp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Điều này dẫn đến, một số khái niệm thiếu tính nhất quán hoặc không phản ánh đầy đủ bản chất của KTTH. Có hai cách hiểu sai phổ biến về khái niệm KTTH [5]: (1) KTTH được nhiều doanh nghiệp, nhà hoạch định chính sách và nhà nghiên cứu xem như một giải pháp vạn năng, có thể đồng thời giảm sử dụng tài nguyên xuống mức bền vững và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Quan điểm này tạo ra kỳ vọng quá mức về khả năng của KTTH, trong khi trên thực tế, mô hình này chỉ là một trong nhiều giải pháp cần thiết để đạt được phát triển bền vững; và (2) Nhiều khái niệm về KTTH hiện nay thiếu tính chính xác và mở rộng phạm vi quá mức, khiến mô hình này bị nhầm lẫn với các khái niệm liên quan khác. Điều này không chỉ làm mơ hồ bản chất của KTTH mà còn gây khó khăn trong việc nghiên cứu và triển khai thực tiễn. Ở đây, tác giả trích dẫn một số khái niệm về KTTH như sau:

- Tổ chức Ellen MacArthur: KTTH là một hệ thống công nghiệp được phục hồi hoặc tái tạo thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm "cuối vòng đời" (end-of-life) bằng việc phục hồi, chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh [6].

- Uỷ ban Châu Âu (EC): KTTH là nền kinh tế mà nơi đó giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu và tài nguyên được duy trì trong nền kinh tế lâu nhất có thể và giảm thiểu việc tạo ra chất thải [7].

- Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF): KTTH là một cách tiếp cận khác, tiến hành từ thượng nguồn (đi ngược dòng) và thúc đẩy các giải pháp thay thế, chẳng hạn như giảm thiểu việc sử dụng hóa chất hoặc sử dụng các chất có thể được coi là "an toàn theo thiết kế". Các hóa chất và vật liệu có thể được khoáng hóa sinh học hoặc kỹ thuật (phân hủy) thành các sản phẩm phân hủy không độc hại sẽ cho phép sản xuất ra các vật liệu hiệu quả như "nguyên liệu ban đầu", tương tự như các quá trình diễn ra trong tự nhiên. Các sản phẩm có nguy cơ cao bị phát tán ra môi trường có thể được chế tạo từ các vật liệu phân hủy sinh học [8].

- Kirchcherr và cộng sự: KTTH mô tả một hệ thống kinh tế dựa trên các mô hình kinh doanh thay thế khái niệm "kết thúc vòng đời" bằng việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi vật liệu trong

1) 3R: reduce (giảm chất thải), reuse (tái sử dụng), và recycle (tái chế).
2) 4R: reduce (cắt giảm), reuse (tái sử dụng), recycle (tái chế) và renewable (tái tạo).

các quá trình sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Hệ thống này hoạt động ở cấp độ vi mô (sản phẩm, doanh nghiệp, người tiêu dùng), cấp độ trung mô (các khu công nghiệp sinh thái) và cấp độ vĩ mô (thành phố, khu vực, quốc gia và hơn thế nữa), với mục tiêu đạt được sự phát triển bền vững, bao gồm chất lượng môi trường, thịnh vượng kinh tế và công bằng xã hội, mang lại lợi ích cho cả thế hệ hiện tại và tương lai [9].

- Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP): KTTH là nơi giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu và tài nguyên được duy trì trong nền kinh tế lâu nhất có thể và đồng thời giảm tối thiểu chất thải [10].

- Figge, F. và cộng sự: KTTH là một hệ thống sử dụng tài nguyên ở nhiều cấp độ, quy định việc đóng hoàn toàn tất cả các vòng lặp tài nguyên. Tái chế và các biện pháp khác tối ưu hóa quy mô và hướng đi của dòng tài nguyên góp phần vào KTTH như các hoạt động và thực hành hỗ trợ. Trong dạng hoàn hảo lý thuyết, tất cả các vòng lặp tài nguyên sẽ được khép kín hoàn toàn. Trong dạng thực tế không hoàn hảo, việc sử dụng tài nguyên nguyên sinh là không thể tránh khỏi [10].

Trong đó, khái niệm về KTTH của Tổ chức Ellen MacArthur được thừa nhận rộng rãi nhờ tính thực tiễn và khả năng áp dụng cao. Với hệ thống nguyên tắc rõ ràng như giảm chất thải, kéo dài vòng đời sản phẩm và tái tạo tài nguyên, khái niệm này tạo nền tảng cho việc xây dựng các chiến lược kinh tế bền vững. Đặc biệt, cách tiếp cận của KTTH không chỉ tập trung vào quản lý chất thải mà còn mở rộng sang khâu tiền sản xuất, bao gồm lập kế hoạch và thiết kế thân thiện với môi trường bởi lẽ dù con người có sử dụng tài nguyên tiết kiệm đến đâu, vẫn tồn tại giới hạn nhất định và sẽ đến lúc nguồn dự trữ này sẽ cạn kiệt. Chính vì thế, theo Tổ chức Ellen MacArthur KTTH không chỉ là một mô hình kinh tế, mà còn là một giải pháp chiến lược nhằm bảo vệ và tối ưu hóa tài nguyên trong dài hạn.

Thế nào là một khái niệm KTTH phù hợp?

Mặc dù sự đa dạng trong các khái niệm về KTTH có thể dẫn đến sự hiểu nhầm và áp dụng không nhất quán, đồng thời gây khó khăn cho việc đo lường và so sánh hiệu quả của các chiến lược KTTH, nhưng việc thống nhất một khái niệm duy nhất là không khả thi. Bởi việc này sẽ tiêu tốn rất nhiều nguồn lực do KTTH có thể được tiếp cận từ nhiều quan điểm và góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi lĩnh vực, mỗi quốc gia có cách nhìn nhận riêng về mục tiêu, phạm vi và phương pháp triển khai KTTH. Chẳng hạn, quan điểm của nhà nghiên cứu này cho rằng KTTH là tái chế, trong khi nhà nghiên cứu khác coi KTTH là giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế, hoặc các nghiên cứu quan tâm đến các khía cạnh khác nhau như các giai đoạn vòng đời sản phẩm, mục đích môi trường và xã hội và công nghệ. Những điều này có thể dẫn đến sự khác biệt trong cách khái niệm KTTH. Vì vậy, thay vì cố gắng xây dựng một khái niệm duy nhất, điều quan trọng là các khái niệm về KTTH cần phản ánh đầy đủ bản chất cốt lõi của mô hình này. Khái niệm về KTTH cần đảm bảo các tiêu chí quan trọng như [5]:

(1) Xác định rõ điều kiện cần và đủ: Điều kiện cần có thể hiểu là các điều kiện phải được đáp ứng để một mô hình kinh tế có thể được xem xét là KTTH, nhưng điều đó chưa đủ để khẳng định chắc chắn. Trong khi đó, điều kiện đủ phải đảm bảo rằng nếu được đáp ứng, mô hình kinh tế đó chắc chắn là KTTH.

(2) Không có phản ví dụ (các trường hợp ngoại lệ): Một khái niệm tốt cũng không nên tồn tại các phản ví dụ, tức là không có trường hợp ngoại lệ khiến khái niệm trở nên thiếu nhất quán.

(3) Không quá rộng hoặc quá hẹp: Tránh việc khái niệm KTTH trùng lặp với các mô hình kinh tế khác như kinh tế sinh thái hoặc quản lý chất thải. Nếu một khái niệm quá hẹp, nó có thể bỏ sót những trường hợp thuộc về KTTH, trong khi một khái niệm quá rộng có thể khiến KTTH khó phân biệt với các mô hình kinh tế khác.

Khái niệm về KTTH về cơ bản đều phải thể hiện được bản chất của KTTH là tính khôi phục (Restorative) và tính tái tạo (Regenerative) được thể hiện qua ba nội hàm cơ bản sau [4]: (i) Bảo tồn và phát triển vốn tự nhiên thông qua việc kiểm soát hợp lý các tài nguyên không thể phục hồi và cân đối với các tài nguyên có thể phục hồi, các nguồn năng lượng tái tạo; (ii) Tối ưu hóa lợi tức của tài nguyên bằng cách

tuần hoàn các sản phẩm và vật liệu nhiều nhất có thể trong các chu trình kỹ thuật và sinh học; và (iii) Nâng cao hiệu suất chung của toàn hệ thống bằng cách chỉ rõ và thiết kế các ngoại ứng tiêu cực (thiết kế chất thải, thiết kế ô nhiễm).

Tính khôi phục đề cập đến khả năng duy trì và phục hồi giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu thông qua các phương thức như tái sử dụng, sửa chữa, tái sản xuất và tái chế. Thay vì bị loại bỏ hoàn toàn sau khi sử dụng, tài nguyên được đưa trở lại chu trình sản xuất, từ đó giảm nhu cầu khai thác nguyên liệu mới và hạn chế lượng chất thải thải ra môi trường. Những đặc trưng của tính khôi phục thể hiện qua việc kéo dài vòng đời sản phẩm, tối ưu hóa việc tận dụng nguyên vật liệu và giảm thiểu chất thải. Điều này được minh chứng rõ nét qua các mô hình như kinh tế chia sẻ (cho thuê, mượn, dùng chung sản phẩm thay vì sở hữu cá nhân), thiết kế sản phẩm bền vững (dễ tháo rời, thay thế linh kiện) và tái chế nguyên vật liệu trong công nghiệp.

Trong khi tính khôi phục tập trung vào việc tối ưu hóa nguồn tài nguyên đã khai thác, thì tính tái tạo hướng đến một mục tiêu rộng lớn hơn: bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái, đảm bảo rằng tài nguyên thiên nhiên có thể tiếp tục tái sinh một cách bền vững. Điều này không chỉ giúp giảm tác động tiêu cực của con người lên môi trường mà còn thúc đẩy các quá trình tự nhiên tự phục hồi, góp phần duy trì sự cân bằng sinh thái. Tính tái tạo được thể hiện qua ba đặc trưng chính: phát triển kinh tế gắn liền với việc phục hồi hệ sinh thái, sử dụng tài nguyên theo cách có thể tái tạo và cải thiện chất lượng, phục hồi tài nguyên thiên nhiên. Những đặc trưng này được cụ thể hóa trong các mô hình sản xuất tái sinh (sử dụng phương pháp sản xuất bền vững có khả năng cải thiện, phục hồi tài nguyên), ứng dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, sinh khối thay thế nhiên liệu hóa thạch) và quản lý tài nguyên theo hướng bền vững (tận dụng, tái chế chất thải và tài nguyên).

Cả tính khôi phục và tính tái tạo đều đóng vai trò quan trọng trong kinh tế tuần hoàn, nhưng chúng có sự khác biệt rõ rệt về mục tiêu và cách tiếp cận. Nếu tính khôi phục nhấn mạnh vào việc kéo dài vòng đời sản phẩm và tận dụng tối đa nguyên vật liệu đã khai thác, thì tính tái tạo hướng đến việc phục hồi hệ sinh thái và đảm bảo khả năng tái sinh của tài nguyên tự nhiên. Sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố này không chỉ giúp nền kinh tế giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn đóng góp tích cực vào quá trình phát triển bền vững. Như vậy, một khái niệm về KTTH phù hợp là khái niệm có thể phản ánh đầy đủ cả hai yếu tố này, tránh việc chỉ tập trung vào giảm chất thải mà bỏ qua vai trò của việc phục hồi tài nguyên và hệ sinh thái.

2.2. Khái niệm "kinh tế tuần hoàn" trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020

Việt Nam đã chính thức đưa ra khái niệm KTTH trong khoản 1 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường 2020, theo đó: "*kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên, vật liệu; kéo dài vòng đời sản phẩm; hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường*".

Đồng thời, trên cơ sở khái niệm KTTH, Chính phủ đã xây dựng 03 tiêu chí chung đối với KTTH được quy định tại khoản 1 Điều 138 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định 08/2022/NĐ-CP) là:

"a) Giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;

b) Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện;

c) Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh."

Theo đó, KTTH được xây dựng trên ba tiêu chí chính: giảm khai thác tài nguyên, kéo dài vòng đời sản phẩm và hạn chế phát thải thông qua các hoạt động tái chế, tái sử dụng, mua sắm xanh. Khái niệm này thể hiện rõ cách tiếp cận KTTH theo nghĩa hẹp, tập trung vào bảo vệ môi trường thông qua tối ưu

hóa sử dụng tài nguyên và giảm ô nhiễm. Tuy nhiên, khi đánh giá theo hai nguyên lý cốt lõi của KTTH là tính khôi phục (restorative) và tính tái tạo (regenerative), có thể thấy rằng khái niệm KTTH của Việt Nam thể hiện rõ tính khôi phục nhưng chưa đầy đủ tính tái tạo. Điều này dẫn đến một số hạn chế trong việc triển khai KTTH một cách toàn diện và bền vững.

Về tính khôi phục, các tiêu chí trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã thể hiện khá rõ nguyên lý này. Các nội dung như giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài vòng đời sản phẩm đều góp phần hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế lên môi trường, đồng thời duy trì tài nguyên trong nền kinh tế lâu nhất có thể. Tuy nhiên, nếu chỉ tập trung vào khía cạnh này, KTTH có thể bị hiểu như một mô hình tối ưu hóa tài nguyên hơn là một hệ thống kinh tế thực sự tuần hoàn.

Về tính tái tạo, khái niệm hiện tại chưa làm rõ các cơ chế tạo ra giá trị bền vững mới cho hệ sinh thái và xã hội. Các nguyên lý quan trọng như tái tạo tài nguyên, cải thiện hệ sinh thái, thiết kế sản phẩm thân thiện với môi trường ngay từ đầu chưa được đề cập đầy đủ. Trong khi đó, một nền KTTH bền vững cần không chỉ tập trung vào việc duy trì dòng chảy vật chất, mà còn phải định hướng lại quy trình sản xuất, thúc đẩy sáng tạo công nghệ và phát triển các mô hình kinh doanh mới để thực sự thay đổi cách nền kinh tế vận hành.

Do đó, nếu chỉ dựa trên các tiêu chí hiện tại, một doanh nghiệp có thể thực hiện tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu chất thải mà không tham gia vào các quy trình tái tạo vật liệu hay phục hồi hệ sinh thái vẫn có thể được xem là hoạt động theo mô hình KTTH. Điều này có thể dẫn đến nhầm lẫn giữa KTTH và các mô hình kinh tế khác như kinh tế sinh thái, kinh tế xanh hoặc sản xuất sạch hơn.

Khi đánh giá khái niệm KTTH của Việt Nam theo các tiêu chí của một khái niệm KTTH tốt, có thể thấy một số điểm hạn chế như sau:

- Chưa xác định rõ điều kiện cần và đủ: Hiện nay, các tiêu chí trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP chủ yếu nêu lên các nguyên tắc thực hiện, nhưng chưa xác định điều kiện đủ để một mô hình kinh tế có thể được coi là KTTH. Một nền KTTH không chỉ là việc giảm phát thải hay tiết kiệm tài nguyên, mà còn phải đảm bảo tái tạo giá trị mới thông qua các hoạt động đổi mới sáng tạo, thiết kế lại chu trình sản xuất và tiêu dùng theo hướng tuần hoàn.

- Tồn tại phản ví dụ (trường hợp ngoại lệ làm suy yếu tính nhất quán của khái niệm): Với khái niệm hiện tại, một doanh nghiệp chỉ tập trung vào tái chế, tái sử dụng chất thải nhưng không tham gia vào các hoạt động tái tạo tài nguyên hoặc cải thiện hệ sinh thái vẫn có thể được coi là áp dụng mô hình KTTH. Điều này có thể dẫn đến nhầm lẫn giữa KTTH với các chiến lược tối ưu hóa tài nguyên trong mô hình kinh tế tuyến tính. Một ví dụ điển hình là một nhà máy giảm thiểu chất thải nhựa nhưng không thay thế nhựa bằng vật liệu bền vững hơn, điều này chưa thực sự phản ánh đầy đủ bản chất của KTTH.

- Khái niệm có nội hàm khá hẹp: Khái niệm KTTH của Việt Nam hiện tại chưa đề cập đầy đủ đến các mô hình kinh doanh tuần hoàn, chưa nhấn mạnh đến đổi mới sáng tạo và thiết kế sinh thái. Nếu chỉ tập trung vào quản lý chất thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên, KTTH có nguy cơ bị xem như một hình thức cải thiện mô hình kinh tế tuyến tính hơn là một sự thay thế hoàn toàn.

3. Kết luận

Nhìn chung, khái niệm KTTH trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các tiêu chí chung về KTTH tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã phần nào phản ánh mục tiêu cốt lõi của mô hình KTTH, đặc biệt là tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường. Tuy nhiên, khi đánh giá theo nguyên lý tính khôi phục và tính tái tạo, cũng như các tiêu chí của một khái niệm tốt về KTTH, có thể thấy rằng khái niệm và các tiêu chí này vẫn còn một số hạn chế. Do đó, cần điều chỉnh khái niệm KTTH và các tiêu chí chung về KTTH theo hướng: (i) xác định rõ điều kiện cần và đủ, đảm bảo KTTH không chỉ là tối ưu hóa tài nguyên mà còn phải tích hợp các hoạt động đổi mới sáng tạo và tái tạo giá trị; (ii) loại bỏ các phản ví dụ và tăng tính chính xác, làm rõ rằng các biện pháp quản lý chất thải hay tiết kiệm tài nguyên chưa đủ để được coi là KTTH, trừ khi chúng được thực hiện trong một hệ thống KTTH hoàn chỉnh; (iii) bổ sung yếu tố tái

tạo, nhấn mạnh khả năng phục hồi hệ sinh thái, cải thiện chất lượng tài nguyên và thúc đẩy mô hình kinh doanh bền vững. Những điều chỉnh này sẽ giúp khái niệm KTTH trở nên rõ ràng, chính xác hơn, tạo nền tảng pháp lý vững chắc để thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình KTTH.

Tài liệu tham khảo

[1] Lê Hải Đường, Đỗ Tiến Dũng (2022), *Kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11 (459), tháng 06.

[2] Julian Kirchherr et al (2023), *Conceptualizing the Circular Economy (Revisited), An Analysis of 221 Definitions (tạm dịch: Hình thành lại khái niệm Kinh tế Tuần hoàn: Phân tích 221 định nghĩa),* Resources, Conservation and Recycling Vol 194, nguồn: https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2023.107001.

[3] Pearce, D.W. and R.K. Turner (1990), *Economics of Natural Resources and the Environment (tạm dịch: Kinh tế học về Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường)*, American Journal of Agricultural Economics, Vol 73(1), nguồn: https://doi.org/10.2307/1242904

[4] Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Trọng Hạnh (2019), *Thực hiện kinh tế tuần hoàn: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh, tập 35, số 1 (2019), nguồn: https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4277

[5] Frank Figge et al (2023), *Definitions of the circular economy: Circularity matters (tạm dịch: Các định nghĩa về Kinh tế Tuần hoàn: Tính tuần hoàn là yếu tố quan trọng),* Ecological Economics Vol 208, nguồn: https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2023.107823

[6] Ellen MacArthur Foundation (2013), *Towards The Circular Economy: Economic and Business Rationale For an Accelerated Transition (Vol.1) (tạm dịch: Cơ sở kinh tế và kinh doanh cho quá trình chuyển đổi nhanh chóng),* nguồn: https://www.ellenmacarthurfoundation.org/towards-the-circular-economy-vol-1-an-economic-and-business-rationale-for-an.

[7] European Commission (2015), *Closing the Loop – An EU Action Plan for the Circular Economy (tạm dịch: Khép kín vòng tuần hoàn – Kế hoạch hành động của EU về Kinh tế Tuần hoàn)*, nguồn: http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52015DC0614.

[8] European Environment Agency (2017), *Circular by design: Products in the circular economy (tạm dịch: Thiết kế theo hướng tuần hoàn: Sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn)*, nguồn: https://www.eea.europa.eu/en/analysis/publications/circular-by-design.

[9] Julian Kirchherr et al (2017), *Conceptualizing the circular economy: An analysis of 114 definitions (tạm dịch: Khái niệm về kinh tế tuần hoàn: Phân tích 114 định nghĩa),* Resources, Conservation and Recycling Vol 127, nguồn: https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2017.09.005.

[10] IRP (2020), *Resource Efficiency and Climate Change - Material Efficiency Strategies for a Low-Carbon Future (tạm dịch: Hiệu quả tài nguyên và Biến đổi khí hậu – Chiến lược sử dụng vật liệu hiệu quả cho một tương lai ít carbon),* nguồn: https://doi.org/10.5281/zenodo.3542680.

CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG - THỰC TRẠNG...

Tiếp theo trang 302

3. Kết luận

Hoạt động cho thuê lại lao động đóng vai trò quan trọng trong việc tạo sự linh hoạt cho DN và mở rộng cơ hội việc làm cho NLĐ, nhưng pháp luật hiện nay vẫn còn nhiều bất cập như hạn chế về ngành nghề, thiếu rõ ràng trong quyền và nghĩa vụ của các bên, cùng với cơ chế giám sát và xử lý vi phạm chưa hiệu quả. Do đó, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng mở rộng ngành nghề cho thuê lại một cách hợp lý, quy định chặt chẽ hơn về trách nhiệm của DN cho thuê và DN thuê lại, đồng thời bảo đảm quyền lợi của NLĐ thông qua việc nâng cao chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc. Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế giám sát, xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm và cải thiện quy trình giải quyết tranh chấp để đảm bảo quyền lợi cho NLĐ. Việc hoàn thiện khung pháp lý về cho thuê lại lao động sẽ góp phần xây dựng thị trường lao động minh bạch, công bằng và phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Hữu Chí (2021), *Hợp đồng cho thuê lại lao động và một số kiến nghị,* Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 12.

[2] Khúc Thị Phương Dung (2022), *Hoàn thiện một số quy định của pháp luật lao động Việt Nam hiện hành về cho thuê lại lao động*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 4.

[3] Đỗ Thị Dung (2022), *Hợp đồng cho thuê lại lao động – Thực trạng và một số kiến nghị,* Tạp chí Luật học, số 12.

[4] Đào Mộng Điệp (2014), *Cho thuê lại lao động – Những vấn đề pháp lí đặt ra và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Luật học, số 5.

[5] Quốc hội (2012), *Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13.*

[6] Quốc hội (2019), *Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.*